

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐAK PƠ**

Số: 55 /UBND-TCKH

V/v báo cáo tình hình giải ngân
kế hoạch đầu tư công năm 2017

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đak Pơ, ngày 18 tháng 01 năm 2018

Kính gửi: Sở Tài chính

Thực hiện Công văn số 1115/STC-ĐT ngày 24 tháng 5 năm 2017 của Sở Tài chính về việc báo cáo tình hình giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2017.

UBND huyện Đak Pơ tổng hợp, báo cáo về tiến độ thực hiện, tình hình giải ngân các nguồn vốn đầu tư trên địa bàn huyện đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

(có biểu tổng hợp kèm theo)

Vậy, UBND huyện Đak Pơ báo cáo cho Sở Tài chính biết, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- P.TC-KH
- Lưu VT *Treas*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Trường

BÁO CÁO TÌNH HÌNH GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG ĐẾN 31/12/2017 HUYỆN ĐAK PƠ
(Kèm theo Công văn số: 55 /UBND-TCKH ngày 18 tháng 01 năm 2018 của UBND huyện Đak Pơ)

d/v tính: triệu đồng									
TT	Tên dự án	Địa điểm XD (xã)	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư dự án		Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2017	Vốn thanh toán trong kỳ báo cáo	Lý kế vốn thanh toán từ đầu năm đến hết kỳ báo cáo	Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
	TỔNG CỘNG								
A	TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ					76.433,87	13.296,72	25.434,02	
	Trường mẫu giáo Hoa Mai, xã Yang Bắc - Nhà học 01 phòng	Ya Hội		87/QĐ-UBND ngày 07/6/2017		800,00	281,80	281,80	
B	NGÂN SÁCH TỈNH ĐẦU TƯ					42.140,89	464,90	12.849,96	
I	Vốn cân đối ngân sách tỉnh đầu tư					21.158,89		9.690,70	
1	Công trình chuyển tiếp					12.158,89		3.943,00	
1.1	Đường từ trung tâm xã Ya Hội đi thị xã An Khê	Ya Hội	Năm 2016	132/QĐ-UBND ngày 29/01/2016		12.158,89		3.943,00	
2	Khởi công mới năm 2017					9.000,00		5.747,70	
2.1	Nhà làm việc các phòng ban và trung tâm lưu trữ huyện	Đak Pơ	Năm 2017	197/QĐ-UBND ngày 31/10/2016		7.000,00		3.975,40	
2.2	Đường trần làng Bút - An Thành	An Thành	Năm 2017	199/QĐ-UBND ngày 31/10/2016		2.000,00		1.772,30	
3	Chuẩn bị đầu tư năm 2017					40.000,00		1.100,00	
1	Đường nối thị trấn Đak Pơ, huyện Đak Pơ đi xã Kông Long Khong	Đak Pơ	Năm 2018	220/QĐ-UBND ngày 17/03/2017		20.000,00		400,00	
2	Đường liên xã Tân An đi Yang Bắc và Phú An	Tân An	Năm 2018	214/QĐ-UBND ngày 16/3/2017		20.000,00		400,00	
3	Cải tạo nâng cấp Hồ Tờ Đo	Phú An	Năm 2018					300,00	
II	Vốn xổ số kiến thiết					19.000,00	180,00	2.874,36	

TT	Tên dự án	Địa điểm XD (xã)	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư dự án		Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2017	Vốn thanh toán trong kỳ báo cáo	Lý kế vốn thanh toán từ đầu năm đến hết kỳ báo cáo	Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
1	Công trình chuyển tiếp								
2	Khởi công năm 2017				4.000,00	3.480,00		2.694,36	
2.1	Trường THCS Trần Quốc Tuấn	Đak Pơ	Năm 2017	197/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	4.000,00	3.480,00		2.694,36	
3	Chuẩn bị đầu tư năm 2017				15.000,00	430,00	180,00	180,00	
3.1	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi	Hà Tam	Năm 2018	14/QĐ-UBND ngày 23/01/2017	6.000,00	180,00	180,00	180,00	
3.2	Đầu tư xây dựng 03 trạm y tế xã Yang Bắc, Ya Hội, Tân An		Năm 2018	102/QĐ-UBND ngày 04/08/2017	9.000,00	250,00			
III	Vốn hỗ trợ Chương trình MTQG nông thôn mới				1.982,00	1.365,00	284,90	284,90	
1	Đường trục thôn 5	An Thành	Năm 2017	61/QĐ-UBND ngày 09/10/2017	291,00	183,00	177,40	177,40	
2	Đường trục làng Kuk Kôn	An Thành	Năm 2017	59/QĐ-UBND ngày 09/10/2017	176,00	111,00	107,50	107,50	
3	Đường trục làng Kuk Đak	An Thành	Năm 2017	60/QĐ-UBND ngày 09/10/2017	255,00	161,00			
4	Nâng cấp hệ thống cấp nước sinh hoạt tập trung làng Ghép	Ya Hội	Năm 2017	33/QĐ-UBND ngày 25/10/2017	562,00	455,00			
5	Đường trục làng Jro Dong 2	Yang Bắc	Năm 2017	40C/QĐ-UBND ngày 25/10/2017	169,00	177,00			
6	Đường trục chính nội đồng làng Jro Ktu	Yang Bắc	Năm 2017	40B/QĐ-UBND ngày 25/10/2017	281,00	122,00			
7	Đường trục chính nội đồng làng Đak Yang	Yang Bắc	Năm 2017	40A/QĐ-UBND ngày 25/10/2017	248,00	156,00			
C	NGÂN SÁCH HUYỆN ĐẦU TƯ				13.254,54	11.040,00	8.383,73	8.135,97	

TT	Tên dự án	Địa điểm XD (xã)	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư dự án		Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2017	Vốn thanh toán trong kỳ báo cáo	Lý kế vốn thanh toán từ đầu năm đến hết kỳ báo cáo	Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
I	Nguồn vốn phân cấp đầu tư				10.249,30	8.989,00	6.907,59	6.907,59	
1	Công trình chuyển tiếp								
2	Khởi công năm 2017				10.249,30	8.989,00	6.907,59	6.907,59	
2.1	Trường TH Ngô Quyền	Tân An	Năm 2017	227/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	2.888,70	2.627,00	1.901,99	1.901,99	
2.2	Trường TH Trần Phú	Tân An	Năm 2017	223/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	404,00	368,00	353,28	353,28	
2.3	Trường MG Tuổi Thơ (điểm trường thôn An Định)	Cư An	Năm 2017	225/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	497,10	452,00	430,64	430,64	
2.4	Trụ sở UBND TQ huyện	Đak Pơ	Năm 2017	226/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	2.441,00	2.220,00	1.655,45	1.655,45	
2.5	Trụ sở HDND và UBND xã Cư An	Cư An	Năm 2017	224/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	2.901,00	2.638,00	2.019,24	2.019,24	
2.6	Đường trước đền tưởng niệm và tượng đài chiến thắng Đak Pơ	An Thành	Năm 2017	201/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	1.117,50	684,00	546,99	546,99	
II	Tiền sử dụng đất				3.005,24	2.051,00	1.476,14	1.228,38	
1	Công trình chuyển tiếp								
2	Khởi công năm 2017				3.005,24	2.051,00	1.476,14	1.228,38	
2.1	Đường liên thôn An Lợi đi An Phong, xã Phú An	Phú An	Năm 2017	195/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	1.204,41	1.097,00	619,60	619,60	
2.2	Đường BTXM thôn Hiệp Phú, xã Cư An	Cư An	Năm 2017	196/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	683,33	622,00	608,78	608,78	
2.3	Đường trước đền tưởng niệm và tượng đài chiến thắng Đak Pơ	An Thành	Năm 2017	201/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	1.117,50	332,00	247,76	247,76	Đối ứng
D	NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG				20.238,45	15.803,45	4.166,29	4.166,29	
I	Vốn chính sách bảo vệ và phát triển đất trồng lúa				1.202,45	1.155,45	489,67	489,67	

TT	Tên dự án	Địa điểm XD (xã)	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư dự án		Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2017	Vốn thanh toán trong kỳ báo cáo	Lý kế vốn thanh toán từ đầu năm đến hết kỳ báo cáo	Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
1	Đường đi khu sản xuất Gò Rau Trai	Hà Tam	Năm 2017	61/QĐ-UBND ngày 28/3/2017	975,00	928,00	489,67	489,67	
2	Đập đá Mai	Cư An	Năm 2017		227,45	227,45			
II Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững									
1	Hỗ trợ đầu tư CSHT các xã ĐBK								
1.1	Đường giao thông làng Tờ Số đi xã Phú An (Từ Km1+597,8m đến Km2+423,51m)	Ya Hội	Năm 2017	20/QĐ-UBND ngày 21/07/2017	1.276,00	1.125,00	538,15	538,15	
1.2	Trường TH & THCS Lương Thế Vinh (điểm trường làng Brang)	Ya Hội	Năm 2017	21/QĐ-UBND ngày 27/07/2017	222,00	195,00	189,14	189,14	
1.3	Đập dâng làng Ghép	Ya Hội	Năm 2017		200,00				
2	Hỗ trợ đầu tư CSHT các thôn, làng ĐBK				1.743,00	1.536,00	1.199,14	1.199,14	
2.1	Đường giao thông làng Kuk Kôn, làng Bút, làng Kuk Dak	An Thành	Năm 2017	50/QĐ-UBND ngày 13/07/2017	749,00	660,00	490,10	490,10	
2.2	Điểm sinh hoạt làng Leng Tô	Đak Pơ	Năm 2017	22/QĐ-UBND ngày 03/08/2017	255,00	225,00	193,15	193,15	
2.3	Nhà sinh hoạt cộng đồng làng Gliэк 1	Đak Pơ	Năm 2017	21/QĐ-UBND ngày 03/08/2017	254,00	223,00	222,60	222,60	
2.4	Đường BTXM làng Gliэк 2	Đak Pơ	Năm 2017	20/QĐ-UBND ngày 03/08/2017	236,00	208,00	205,99	205,99	
2.5	Đường giao thông làng ĐéChơGang (Nhánh 1: L=127,36 từ nhà ông Đỉnh Lịch đến nhà bà Kay. Nhánh 2: L=27m từ nhà ông Bón Cang đến ngã 3 đường đi hồ Tờ Do)	Phú An	Năm 2017	64/QĐ-UBND ngày 04/08/2017	249,00	220,00	87,30	87,30	
3	Vốn duy tu, sửa chữa Chương trình MTQG giảm nghèo				242,00	242,00	237,40	237,40	
	Sửa chữa đường làng Kuk Kôn	An Thành	Năm 2017	736/QĐ-UBND ngày 09/6/2017	242,00	242,00	237,40	237,40	

TT	Tên dự án	Địa điểm XD (xã)	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư dự án		Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2017	Vốn thanh toán trong kỳ báo cáo	Lý kế vốn thanh toán từ đầu năm đến hết kỳ báo cáo	Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
III Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới									
1	Đường nội đồng làng Bung (đoạn từ nhà ông Khánh đi khu sản xuất)	Ya Hội	Năm 2017	22/QĐ-UBND ngày 27/07/2017	3.685,60	2.750,00	1.512,79	1.512,79	
2	Đường trục làng Kleo	YangBắc	Năm 2017	28/QĐ-UBND ngày 24/04/2017	1.850,00	1.295,00	965,64	965,64	
3	Đường trục làng Môn	YangBắc	Năm 2017	29/QĐ-UBND ngày 24/04/2017	116,10	92,90	27,87	27,87	
4	Đường trục làng Klah 1	YangBắc	Năm 2017	30/QĐ-UBND ngày 24/04/2017	290,70	232,60	69,78	69,78	
5	Đường trục làng Jro Dong 2	YangBắc	Năm 2017	32/QĐ-UBND ngày 24/04/2017	521,00	416,80	125,04	125,04	
6	Đường nội đồng làng Đak Yang	YangBắc	Năm 2017	31/QĐ-UBND ngày 24/04/2017	292,30	233,80	70,14	70,14	
7	Đường nội đồng làng Jun	YangBắc	Năm 2017	33/QĐ-UBND ngày 24/04/2017	224,10	156,90	47,07	47,07	
8	Duy tu, sửa chữa đường làng Mông 1 đi làng Bung	Ya Hội	Năm 2017	08/QĐ-UBND ngày 27/01/2017	100,00	100,00	98,70	98,70	
9	Sửa chữa trụ sở thôn 3, thôn 5, thôn 6	Hà Tam	Năm 2017		60,00	60,00	59,95	59,95	
III Vốn thường Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (đợt 1)									
1	Đường trục làng Kuk Đak	An Thành	Năm 2017	70/QĐ-UBND ngày 08/12/2017	1.714,30	1.200,00			
2	Đường trục thôn xã Cư An	Cư An	Năm 2017-2018	51/QĐ-UBND ngày 22/11/2017	1.714,30	1.200,00			
3	Nhà văn hóa + Trung tâm thể thao	Hà Tam	Năm 2017-2018	75/QĐ-UBND ngày 14/11/2017	849,90	849,90			

TT	Tên dự án	Địa điểm XD (xã)	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư dự án		Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2017	Vốn thanh toán trong kỳ báo cáo	Lý kế vốn thanh toán từ đầu năm đến hết kỳ báo cáo	Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
4	Đường trục thôn xã Hà Tam	Hà Tam	Năm 2017-2018	51/QĐ-UBND ngày 22/11/2017	500,00	350,10			
5	Đường trục thôn xã Phú An	Phú An	Năm 2017-2018	102/QĐ-UBND ngày 25/12/2017	1.386,30	970,40			
6	Nhà văn hóa thôn An Phú	Phú An	Năm 2017-2018	01/QĐ-UBND ngày 03/01/2018	105,60	73,90			
7	Nhà văn hóa thôn An Lợi, thôn An Quý	Phú An	Năm 2017-2018	103/QĐ-UBND ngày 25/12/2017	222,40	155,70			
8	Đường trục thôn xã Tân An	Tân An	Năm 2017-2018	135/QĐ-UBND ngày 01/11/2017	1.714,30	1.200,00			
9	Nước sinh hoạt tập trung làng Kliest, Đak Ya	Ya Hội	Năm 2017-2018	30/QĐ-UBND ngày 11/12/2017	1.888,90	1.700,00			
10	Đường BTXM trục làng xã Yang Bắc	Yang Bắc	Năm 2017-2018	49/QĐ-UBND ngày 20/12/2017	1.571,40	1.100,00			